TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2023/DS-PT
Ngày: 27- 7- 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Trần Thị Kim Em

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 220/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 643/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Đặng Thị N, sinh năm 1937 (chết năm 2020).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N:

1. Trần Ánh N1, sinh năm 1959; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Trần Văn T, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ H, ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Thị N2, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Trần Văn B, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trần Thị T1, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Trần Văn N3, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Số F tổ C, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phan Văn H, sinh năm 1969;

2. Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1993;

3. Phan Hoàng D1, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Trần Văn B, sinh năm 1968; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trần Văn N3, sinh năm 1972.

6. Huỳnh Thị M, sinh năm 1963;

7. Trần Văn D2, sinh năm 1979;

8. Trần Thị Tú T3, sinh năm 1980;

9. Trần Thành T4, sinh năm 1982;

10. Trần Quốc S, sinh năm 1993;

11. Võ Thị Kim H1, sinh năm 1969;

12. Trần Thị Hồng Y, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh S1, bà H1 và chị Y: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số F tổ C, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc S, Trần Thị Hồng Y, Trần Văn N3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Á trình bày:* Bà có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 601,1m^2, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 416138 ngày 28/11/2013 do bà đại diện hộ đứng tên. Phần đất này giáp với phần đất là thửa đất số 111, diện tích 2.163m^2 của hộ bà Đặng Thị N. Quá trình sử dụng bà N và các thành viên trong hộ đã chiếm phần đất của bà có diện tích theo đo đạc thực tế là 14,8m^2. Năm 2020 bà N chết, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N là bà Trần Ánh N1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn B, bà Trần Thị T1 và ông Trần Văn N3. Tại phiên tòa, bà yêu cầu những người thừa kề quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N là ông T, N1, N2, B, T1, N3 và các thành viên trong hộ bà N là ông N3, ông B, bà M, anh D2, chị T3, anh T2, anh S, bà H1, chị Y phải trả lại cho bà phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 14,8m^2 nằm trong thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 610,1m^2, tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N3 và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T5 trình bày:* Ông N3 là con của bà Đặng Thị N (đã chết năm 2020). Bà N có tất cả 06 người con là bà Trần Ánh N1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn B, bà Trần Thị T1 và ông Trần Văn N3. Cha ông N3 là ông Trần Văn Ấ đã chết khi ông còn nhỏ. Hộ bà N có thửa đất số 111, tờ bản đồ AHC1, diện tích 2.163m^2, tại ấp Ấ, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện do ông N3 đang quản lý, sử dụng. Phần đất này giáp ranh với phần đất của bà Á. Ông N3 không có lấn chiếm đất như bà Á trình bày, phần đất con mương có diện tích theo đo đạc thực tế 14,8m^2 đang tranh chấp là thuộc phần đất của bà N. Nay ông N3 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Á.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Trần Văn T trình bày: Cha mẹ ông là bà N và ông Ấ, mẹ ông đã chết năm 2020. Mẹ ông có tất cả 06 người con và thửa đất như ông N3 trình bày. Nay ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Á do phần đất con mương có diện tích theo đo đạc thực tế 14,8m^2 đang tranh chấp là thuộc phần đất của bà N.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày: Cha mẹ ông là bà N và ông Ấ, mẹ ông đã chết năm 2020. Mẹ ông có tất cả 06 người con và thửa đất như ông N3 trình bày. Do trước đây ông còn nhỏ nên ông không biết ranh đất giữa thửa đất số 15 của bà Á và thửa đất số 111 của bà N. Đến năm 1989, ông đi sang tỉnh Đồng Tháp ở với vợ nên ông không biết ranh đất giữa thửa đất của bà Á và bà N là ở đâu. Nay ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Á, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Á.

Buộc ông Trần Văn N3, bà Trần Ánh N1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn B, bà Trần Thị T1 và các thành viên trong hộ gồm bà Huỳnh Thị M, anh Trần Văn D2, chị Trần Thị Tú T3, anh Trần Quốc S, bà Võ Thị Kim H1, chị Trần Thị Hồng Y cùng có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích thực đo là 14,8m^2 cho hộ bà Nguyễn Ngọc Á sử dụng. Vị trí phần đất như sau:

+ Phía đông giáp phần đất bà Nguyễn Ngọc Á đang sử dụng;

+ Phía tây giáp phần đất của hộ bà Đặng Thị N đang sử dụng;

+ Phía nam giáp phần đất của hộ bà Đặng Thị N đang sử dụng;

+ Phía bắc giáp phần đất của hộ bà Đặng Thị N đang sử dụng.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Buộc ông Trần Văn N3, bà Trần Ánh N1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn B, bà Trần Thị T1, bà Huỳnh Thị M, anh Trần Văn D2, chị Trần Thị Tú T3, anh Trần Quốc S, bà Võ Thị Kim H1, chị Trần Thị Hồng Y có trách nhiệm di dời một bàn thiên xi măng ra khỏi phần đất nêu trên. Bà Nguyễn Ngọc Á có trách nhiệm hoàn trả cho ông N3, bà N1, ông T, bà N2, ông B, bà T1, bà M, anh D2, chị T3, anh S, bà H1, chị Y trị giá công di dời bàn thiên xi măng là 150.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn N3, bà Trần Ánh N1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn B, bà Trần Thị T1, bà Huỳnh Thị M, anh Trần Văn D2, chị Trần Thị Tú T3, anh Trần Quốc S, bà Võ Thị Kim H1, chị Trần Thị Hồng Y trả lại cho bà Nguyễn Ngọc Á số tiền 3.800.000 đồng.

Ngày 06/10/2022, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Đặng Thị N là ông Trần Văn N3, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trần Quốc S, Trần Thị Hồng Y, Võ Thị Kim H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cửa Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Á giữ nguyên hiện trạng thửa đất là một đường thẳng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở, bởi lẽ, khi nhận thừa kế quyền sử dụng đất thì phần đất của hộ bà Á được cấp vẫn là đường thẳng, không gấp khúc và có diện tích 562m^2 có các hộ giáp ranh ký khi đo tách thửa (trong đó có bà N), đến ngày 28/11/2013 bà Á được cấp đổi lại giấy

mới với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 601,1m^2 nhưng không thể hiện có các hộ giáp ranh ký xác nhận kết quả do đạc nên bà Á cho rằng phía bà N lấn ranh là không có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án Dân sự sơ thẩm 220/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng chấp nhận kháng cáo của Trần Văn N3, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trần Quốc S, Trần Thị Hồng Y, Võ Thị Kim H1; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Ngọc Á khởi kiện bà Đặng Thị N tranh chấp phần ranh cho rằng bị lấn chiếm, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Quyền sử dụng đất" và thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 294, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

Về nội dung: Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của 2 bên thì thấy rằng phần đất phía hộ bà N đã sử dụng lâu đời và được cấp quyền sử dụng vào ngày 12/6/2000 thửa đất số 111, tờ bản đồ AHC1, diện tích 2.163m^2, còn phần đất của hộ bà Á được phân chia thừa kế vào 11/3/2004 từ quyền sử dụng đất được cấp cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 23/02/1998, tổng diện tích là 4.386m^2, chia làm 03 phần thừa kế đều tiếp giáp với đất của bà N, phần bà Á được chia và được cấp quyền sử dụng đất vào 19/4/2004 tại thửa 2435, diện tích 562m^2, đến ngày 28/11/2013 được cấp đổi lại giấy mới với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 601,1m^2.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện trong quá trình sử dụng và tại biên bản đo đạc gần nhất (ngày 09/11/2017) thu hồi đất của hộ bà N để làm đường C - M vẫn thể hiện ranh giáp phía bà Á vẫn là đường thẳng, nhưng đo thực tế ngày 06/7/2020 thì thể hiện gấp khúc ở đoạn giáp với đất của bà Á lấn qua đường thẳng 14,8m^2. Ở lần cấp quyền sử dụng đất lần 1 cho bà Á (năm 2004) khi do đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có bà N ký giáp ranh cùng các chủ đất khác, thế nhưng khi cấp lại giấy mới vào năm 2013 diện tích thửa đất tăng lên nhưng không thể hiện biên bản do đạc có chữ ký giáp ranh (bà N). Theo số đo thực tế ngày 06/7/2020 của Công ty TNHH Đ thì phần đất của bà N thừa 4,2m^2, phần đất của bà Á 593,4/601m^2 giảm 16,7m^2 nhưng so với giấy đất

được cấp vào năm 2004 thì đất của bà Á thừa 31,4m^2, bà Á và cơ quan chuyên môn không đưa ra được lý do chính đáng để giải thích vì sao đất của bà Á lại tăng diện tích trong khi phần đất này không sáp nhập, tăng cho gì thêm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chính bà Á khẳng định giáp với đất của bà N từ trước nay có 02 trụ đá cắm ở 02 đầu ranh và hiện nay vẫn còn tồn tại, điều này chúng tỏ phần đất trước đây cấp cho ông ông Nguyễn Văn C và sau này phân chia thừa kế lại cho bà Á phía tiếp giáp bà N là đường thẳng, vì vậy phía bà Á cho rằng phía bà N lấn chiếm đất là không có căn cứ.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 06/7/2020 xác định đất của bà Á thiếu 16,7m^2, của bà N thừa 4,2m^2 để từ đó buộc phía hộ bà N giao trả 14,8m^2 và di dời bàn ông thiên là chưa phù hợp pháp luật.

Như đã phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Á không có căn cứ, không được chấp nhận nên phần chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án bà phải tự gánh chịu.

Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Trần Quốc S, Trần Thị Hồng Y, Trần Văn N3, Võ Thị Kim H1.

Sửa bản án Dân sự sơ thẩm 220/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Á về việc yêu cầu anh Trần Văn N3, bà Trần Ánh N1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn B, bà Trần Thị T1 và các thành viên trong hộ gồm bà Huỳnh Thị M, anh Trần Văn D2, chị Trần Thị Tú T3, anh Trần Quốc S, bà Võ Thị Kim H1, chị Trần Thị Hồng Y trả 14,8m^2 đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (theo biên bản do đạc thực tế ngày 06/7/2020 của Công ty TNHH Đ).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Á1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho Trần Quốc S, Trần Thị Hồng Y, Trần Văn N3, Võ Thị Kim H1 mỗi người 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C.
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng